

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3345/2025/KT2512.19/1-5

<b>Khách hàng</b>	: Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh
<b>Địa chỉ</b>	: Số 3, đường 9, VSIP Bắc Ninh, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
<b>Loại mẫu</b>	: Mẫu khí thải
<b>Ngày lấy mẫu</b>	: 04/12/2025
<b>Thông tin về mẫu</b>	: Ngày thử nghiệm : 04/12/2025 – 19/12/2025 KT2512.19/1: Khí thải ống khói số 1 (KT1) KT2512.19/2: Khí thải ống khói số 2 (KT2) KT2512.19/3: Khí thải ống khói số 3 (KT3) KT2512.19/4: Khí thải ống khói số 4 (KT4) KT2512.19/5: Khí thải ống khói số 5 (KT5)
<b>Tình trạng hoạt động</b>	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả					Giới hạn cho phép
				KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	14	16	17	22	19	200 <sup>(1)</sup>
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	CECP.KT.SO <sub>2</sub>	5,94	6,11	5,76	5,07	3,32	500 <sup>(1)</sup>
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	CECP.KT.NO <sub>2</sub>	7,90	8,15	7,77	8,90	4,51	850 <sup>(1)</sup>
4	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	CECP.KT.CO	6,84	7,14	6,92	7,22	4,18	1000 <sup>(1)</sup>
5	Formaldehyt	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CENTS 13649:2014	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	<0,3	20 <sup>(2)</sup>
6	Naphtalen	mg/Nm <sup>3</sup>	PD CENTS 13649:2014	<0,12	<0,12	<0,12	<0,12	<0,12	150 <sup>(2)</sup>

**Ghi chú:**

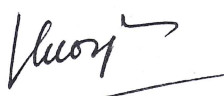
- (1): QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với bụi và các chất vô cơ;
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

CÁN BỘ LẬP PHIẾU



Bùi Thị Thơm

CÁN BỘ QA/QC



Phạm Thị Hương

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (\*).
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 3346/2025/N2512.19

<b>Khách hàng</b>	: Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh
<b>Địa chỉ</b>	: Số 3, đường 9, VSIP Bắc Ninh, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
<b>Loại mẫu</b>	: Nước thải
<b>Ngày lấy mẫu</b>	: 04/12/2025
<b>Ngày thử nghiệm</b>	: 04/12/2025 – 19/12/2025
<b>Thông tin về mẫu</b>	: N2512.19: Mẫu nước thải tại cửa xả thải ra KCN VSIP
<b>Tình trạng hoạt động</b>	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	Tiêu chuẩn
				N2512.19	VSIP
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,34	6 – 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	25,1	40
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	400
4	COD	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	13	600
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	<15	400
6	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,03	8
7	Tổng Nito	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2023	14	20
8	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,18	5
9	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	0,05
10	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0009	0,005
11	Pb	mg/L	SMEWW 3111C:2023	<0,0075	0,1
12	Cd	mg/L	SMEWW 3111C:2023	<0,0021	0,05
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<1,0	5
14	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	950	5000

**Ghi chú:**

- Tiêu chuẩn VSIP: Tiêu chuẩn nước thải cho phép thải vào hệ thống chung của VSIP Bắc Ninh.

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2025


CÁN BỘ LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Thị Thơm



Phạm Thị Hương



Trịnh Quang Hoàn

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (\*).
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;